TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 – 9 – 2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Chí Linh

Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị U, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn Th, sinh năm 1979;

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng CSXH huyện Thới Bình;

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Th, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng CSXH huyện Thới Bình: Ông Nguyễn Trọng Ngh - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Thới Bình;

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn Th, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Trúc L, sinh năm 1971;

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Dương Văn T;

Địa chỉ cư trú: Ấp Ng, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Lê Mỹ Nh;

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

(Bà L, ông H, ông T, bà Nh, Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Trần Thị U trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đoàn Văn Th tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bằng, huyện Thới Bình. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông Th không chăm lo cho gia đình, thường xuyên cải vã nhau, không tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc, ông Th đánh đuổi bà đi ra khỏi nhà từ tháng 3/2022 và đã ly thân từ đó đến nay. Bà U xác định tình cảm của bà đối với ông Th không còn, không thể hàn gắn chung sống với nhau được nữa, hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà U xác định bà và ông Th có 02 người con tên Đoàn Sỹ Kh sinh năm 2004 và Đoàn Hiếu Ngh sinh năm 2005, hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà U xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà U xác định ngày 13/4/2023 vợ chồng có vay của Ngân hàng CSXH huyện Thới Bình số tiền vốn 7.800.000 đồng, nợ bà Nguyễn Trúc L 01 chỉ vàng 24K, nợ ông Nguyễn Hữu H 02 chỉ vàng 24K, nợ ông Dương Văn T 01 chỉ vàng 24K, nợ bà Lê Mỹ Nh 1.000.000 đồng. Khi ly hôn bà U yêu cầu mỗi người trả ½.

* Tại biên bản hòa giải bị đơn ông Đoàn Văn Th trình bày:

Về hôn nhân: Ông Th không thống nhất với lời trình bày của bà U về hôn nhân. Ông Th cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn và ông vẫn còn tình cảm với bà U nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà U.

Về con chung: Ông và bà U có 02 người con tên Đoàn Sỹ Kh sinh năm 2004 và Đoàn Hiếu Ngh sinh năm 2005, hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Th xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông Th xác định ngày 13/4/2023 vợ chồng có vay nợ của Ngân hàng CSXH huyện Thới Bình số tiền gốc 7.800.000 đồng, nợ bà Nguyễn Trúc L 01 chỉ vàng 24K, nợ ông Nguyễn Hữu H 02 chỉ vàng 24K, nợ ông Dương Văn T 01 chỉ vàng 24K, nợ bà Lê Mỹ Nh 1.000.000 đồng. Đối với nợ chung ông Th yêu cầu vợ chồng có nghĩa vụ thanh toán.

* Tại đơn yêu cầu ngày 02/6/2023 và 15/9/2023, Ngân hàng CSXH huyện Thới Bình trình bày: Ngày 29/7/2011 ông Đoàn Văn Th và bà Trần Thị U đã ký Hợp đồng tín dụng số 6000032285 với Ngân hàng CSXH huyện Thới Bình vay số tiền 7.800.000 đồng, với mục tiêu hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất cho vay 0,25%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Trong quá trình vay tính đến ngày 15/9/2023 ông Th và bà U nợ 10.626.984 đồng. Nay ông Th và bà U ly hôn, Ngân hàng chính sách yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th và bà U cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ là 10.626.984 đồng (gốc 7.800.000 đồng, lãi 2.826.984 đồng).

* Đối với khoản nợ của nợ bà Nguyễn Trúc L 01 chỉ vàng 24K, nợ ông Nguyễn Hữu H 02 chỉ vàng 24K, nợ ông Dương Văn T 01 chỉ vàng 24K. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bà Nguyễn Trúc L, ông Nguyễn Hữu H, ông Dương Văn T và các ông, bà vừa nêu xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với khoản nợ của bà Lê Mỹ Nh 1.000.000 đồng. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bà Lê Mỹ Nh nhưng bà Nh không khởi kiện theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với ông Đoàn Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, Ngân hàng CSXH huyện Thới Bình có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Th, Ngân hàng; đối với bà Nguyễn Trúc L, ông Nguyễn Hữu H, ông Dương Văn T, bà Lê Mỹ Nh không có yêu cầu trong vụ án nên Tòa án không triệu tập.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị U và ông Đoàn Văn Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2012. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa bà U với ông Th được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà U xác định thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông Th không chăm lo cho gia đình, thường xuyên cải vã nhau, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc, ông Th đánh đuổi bà đi ra khỏi nhà từ tháng 3/2022. Tại phiên tòa bà U xác định không còn tình cảm với ông Th và cũng không thể hàn gắn để chung sống với ông Th được nữa, nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Th; đối với ông Th cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn và vẫn còn tình cảm với bà U, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà U. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng giữa bà U với

ông Th xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến hôn nhân giữa bà U với ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà U, cho bà U được ly hôn với ông Th là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà U và ông Th có 02 người con tên Đoàn Hiếu Ngh sinh năm 2003 và Đoàn Sỹ Kh sinh năm 2004. Xét thấy các cháu Ngh và Kh đều đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà U và ông Th đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ người khác:

[5.1] Đối với khoản nợ vay của Ngân hàng CSXH huyện Thới Bình: Tại hòa giải ông Th, bà U thừa nhận có vay Ngân hàng chính sách số tiền gốc là 7.800.000 đồng và đồng ý mỗi người có nghĩa vụ trả ½. Tại phiên tòa bà U thừa nhận đến ngày xét xử sơ thẩm bà và ông Th còn nợ Ngân hàng chính sách 7.800.000 đồng gốc và 2.826.984 đồng tiền lãi như Ngân hàng yêu cầu và đồng ý mỗi người thanh toán ½, là phù hợp. Do vậy, buộc bà U và ông Th mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách số tiền 5.313.492 đồng (trong đó gốc 3.900.000 đồng, lãi 1.413.492 đồng).

[5.2] Đối với các khoản nợ của bà Nguyễn Trúc L 01 chỉ vàng 24K, ông Nguyễn Hữu H 02 chỉ vàng 24K, ông Dương Văn T 01 chỉ vàng 24K. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án bà L, ông H, ông T đều xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với khoản nợ của bà Lê Mỹ Nh 1.000.000 đồng, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bà Nh nhưng bà Nh không có đơn yêu cầu khởi kiện theo quy định đối với khoản nợ bà U và ông Th đặt ra khi ly hôn. Nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí:

[6.1] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị U phải chịu 300.000 đồng.

[6.2] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà U, ông Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng; Ngân hàng chính sách không phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị U. Cho bà Trần Thị U được ly hôn với ông Đoàn Văn Th.

2. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXH huyện Thới Bình.

Buộc: Bà Trần Thị U, ông Đoàn Văn Th mỗi người phải thanh toán cho Ngân hàng CSXH huyện Thới Bình số tiền 5.313.492 đồng (năm triệu ba trăm mười ba nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng) (trong đó gốc 3.900.000 đồng, lãi 1.413.492 đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng CSXH huyện Thới Bình có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được thi hành án nếu như bà U, ông Th chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm phần lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

4. Về án phí:

4.1. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003471 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; bà U đã nộp đủ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

4.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà U, ông Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); bà U, ông Th chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà U có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Bằng, huyện Thới Bình;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tiêu Hồng Phượng